

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

**Mã đề: T0701**

**Câu 1: (2,0 điểm)** Thực hiện phép tính:

a.  $\frac{3}{2} - \frac{1}{5} \cdot \frac{10}{3} - \frac{1}{4}$ .

b.  $\left(\frac{3}{-2}\right)^3 + 0,75 \cdot \sqrt{16}$ .

**Câu 2: (2,0 điểm)** Tìm  $x$ :

a.  $\frac{3}{5} + 2x = 1,2$ .

b.  $3 = \frac{7}{2} - |-x + 1|$ .

**Câu 3: (1,5 điểm)** Số lượt vi phạm về đồng phục của học sinh các khối ở trường A trong tuần đầu tiên của năm nay được cho trong bảng 1:

Khối	Số lượt vi phạm
6	75
7	60
8	40
9	25

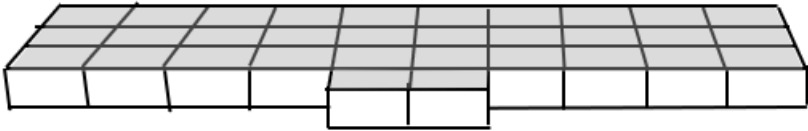
Bảng 1

- Em hãy cho biết tỉ lệ phần trăm số lượt vi phạm của mỗi khối so với toàn thể (không làm tròn kết quả).
- Từ thông tin trong bảng 1, bạn B đã đưa ra nhận định: “Năm nay học sinh lớp 6 không chấp hành tốt quy định về đồng phục như các năm.” Em hãy đánh giá nhận định trên.

*(Xem tiếp trang sau)*

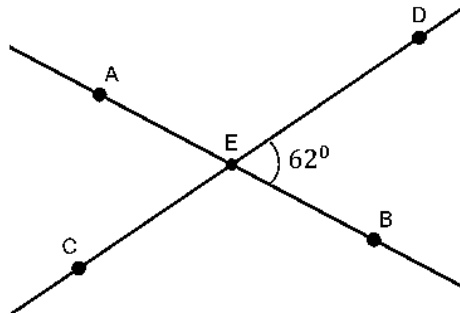
**Câu 4: (2,5 điểm)** Một khối gỗ hình hộp chữ nhật có chiều dài là 0,65 m, chiều rộng là 0,5 m và chiều cao là 0,3 m.

- Tính diện tích xung quanh và thể tích của mỗi khối gỗ.  
(không làm tròn đáp án)
- Để chuẩn bị cho hội xuân, nhà trường ghép các khối gỗ thành một sân khấu như hình 1. Hỏi diện tích bề mặt sân khấu là bao nhiêu mét vuông?



Hình 1

**Câu 5: (1,0 điểm)** Tìm số đo các góc còn lại trong Hình 2.



Hình 2

**Câu 6: (1,0 điểm)** An được tặng một phiếu giảm giá 40% của tiệm cà phê Phúc Long. Bên cạnh đó, cửa hàng cũng có chương trình giảm giá 30% nếu khách mua mang về. An lại có thẻ thành viên nên được giảm thêm 10% trên giá đã giảm. Tuy nhiên, An chỉ được chọn: hoặc dùng phiếu giảm giá 40%, hoặc giảm theo chương trình riêng của quán và áp dụng thêm ưu đãi của thẻ thành viên. Theo em, nếu An mua cà phê mang về thì hình thức nào được hưởng nhiều ưu đãi hơn? Vì sao?

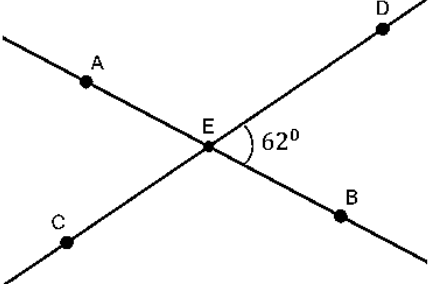
----- **HẾT** -----

Năm học 2022 – 2023

**ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 1 MÔN TOÁN KHỐI 7**

<b>Mã đề: T0701</b>	<b>Điểm</b>
<b>Câu 1. (2,0 điểm)</b> Thực hiện phép tính:	
<b>a.</b> $\frac{3}{2} - \frac{1}{5} - \frac{10}{3} - \frac{1}{4}$	<b>1,0đ</b>
$= \frac{3}{2} - \frac{2}{3} - \frac{1}{4}$	0,25
$= \frac{18}{12} - \frac{8}{12} - \frac{3}{12}$	0,5
$= \frac{7}{12}$	0,25
<b>b.</b> $\left(\frac{3}{-2}\right)^3 + 0,75 \cdot \sqrt{16}$	<b>1,0đ</b>
$= \frac{3^3}{(-2)^3} + \frac{3}{4} \cdot 4$	0,25x2
$= \frac{27}{-8} + 3$	0,25
$= \frac{-27}{8} + \frac{24}{8} = -\frac{3}{8}$	0,25
<b>Câu 2. (2,0 điểm)</b> Tìm x:	
<b>a.</b> $\frac{3}{5} + 2x = 1,2$	<b>1,0đ</b>
$2x = \frac{6}{5} - \frac{3}{5}$	0,25
$2x = \frac{3}{5}$	0,25
$x = \frac{3}{5} : 2 = \frac{3}{5} \cdot \frac{1}{2}$	0,25

$x = \frac{3}{10}$	Vậy $x = \frac{3}{10}$ .	0,25
<b>b.</b> $3 = \frac{7}{2} -  -x+1 $		<b>1,0đ</b>
$ -x+1  = \frac{7}{2} - 3 = \frac{1}{2}$		0,25
$-x+1 = \frac{1}{2}$ hay $-x+1 = -\frac{1}{2}$		0,25x2
$x = \frac{1}{2}$ hay $x = \frac{3}{2}$ Vậy $x = \frac{1}{2}$ hay $x = \frac{3}{2}$ .		0,25
<b>Câu 3. (1,5 điểm)</b>		
<b>a.</b> Tính tỉ lệ % tương ứng của mỗi đối tượng.		<b>1,0đ</b>
Tổng số lượt vi phạm của các khối: $75 + 60 + 40 + 25 = 200$		0,25
Tỉ lệ phần trăm tương ứng của từng số liệu so với toàn thể:		0,25x2
Khối 6: $\frac{75}{200} = 35,7\%$ ; Khối 7: $\frac{60}{200} = 30\%$		
Khối 8: $\frac{40}{200} = 20\%$ ; Khối 9: $\frac{25}{200} = 12,5\%$ .		0,25
<b>b.</b> Từ thông tin trong bảng 1, nhận định của bạn B chưa đúng vì thông tin trong bảng 1 chỉ nêu số lượt vi phạm trong tuần đầu tiên, chưa mang tính đại diện cho cả năm học.		<b>0,5đ</b>
<b>Câu 4. (2,5 điểm)</b>		
<b>a.</b> Tính diện tích xung quanh và thể tích khối gỗ.		<b>1,5đ</b>
Diện tích xung quanh của khối gỗ: $2(0,65+0,5) \cdot 0,3 = 0,69 (m^2)$		0,25x3
Thể tích khối gỗ: $0,65 \cdot 0,5 \cdot 0,3 = 0,0975 (m^3)$		0,25x3
<b>b.</b> Diện tích bề mặt phía trên của 1 khối gỗ:		0,25x2

$0,65 \cdot 0,5 = 0,325(m^2)$	
Số khối gỗ cần để ghép sân khấu là 32 khối.	0,25
Vậy diện tích sân khấu là: $0,325 \cdot 32 = 10,4(m^2)$	0,25
<b>Câu 5. (1,0 điểm) Tính số đo các góc còn lại.</b>	
 <p><math>AEC = DEB = 62^\circ</math> (đối đỉnh)</p>	0,25
Ta có: $AED + DEB = 180^\circ$ (hai góc kề bù) Nên $AED = 180^\circ - DEB = 180^\circ - 62^\circ = 118^\circ$ .	0,25x2
$CEB = AED = 118^\circ$ (đối đỉnh)	0,25
<b>Câu 6. (1,0 điểm)</b>	
Số phần tiền An phải trả theo cách 1 – giảm 40%: $100\% - 40\% = 60\%$ Cách 2: Số phần An phải trả sau khi được giảm 30% là 70%. Do An có thẻ thành viên nên An được giảm 10% của 70% này, tức là An được giảm 7% nữa. Vậy An còn phải trả: $70\% - 7\% = 63\%$ Do đó, An nên dùng phiếu giảm giá 40%.	1,0

**Ma trận đề kiểm tra môn TOÁN khối 7**  
**Kì kiểm tra HK1 - Năm học: 2022 - 2023**

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức (bài học hoặc một phần kiến thức của bài học)	Phân loại theo thang nhận thức																				Tổng điểm		Tỷ lệ (%) tương ứng với thời lượng dạy đơn vị kiến thức	Thời lượng giảng dạy đơn vị kiến thức (Tiết)								
			Nhận biết					Thông hiểu					Vận dụng					Vận dụng cao																
			CHTL	ĐỘ KHÓ	CÂU	CHTN	ĐỘ KHÓ	CÂU	CHTL	ĐỘ KHÓ	CÂU	CHTN	ĐỘ KHÓ	CÂU	CHTL	ĐỘ KHÓ	CÂU	CHTN	ĐỘ KHÓ	CÂU	CHTL	ĐỘ KHÓ	CÂU	CHTN			ĐỘ KHÓ	CÂU						
1	Thực hiện phép tính	Cộng trừ , lũy thừa số hữu tỉ	1	D	1a																				1	0	10%	1						
2		Giá trị tuyệt đối của số hữu tỉ,Số thập phân, căn bậc hai	1	D	1b																					1	0	10%	1					
3	Tìm x	Tìm x dạng cơ bản cộng trừ	1	D	2a																					1	0	10%	1					
4		Tìm x có giá trị tuyệt đối						1	TDK	2b																	1	0	10%	1				
5	Thống kê	Biểu diễn số liệu vào biểu đồ						1	TB	3a																	1	0	10%	1				
6		Nhận định về tính hợp lý của dữ liệu						0,5	TB	3b																	0,5	0	5%	0,5				
8	Hình học	Tính Sxq. V của hình hộp chữ nhật												1,5	TB	4a											1,5	0	15%	1,5				
9		Tính diện tích bề mặt												1	TDK	4b												1	0	10%	1			
10		Tính số đo góc kề bù, đối đỉnh							1	D	5																	1	0	10%	1			
7	Tỉ lệ phần trăm	Tỉ lệ phần trăm (giảm giá)																							1	K	6			10%	1			
<b>Tổng điểm</b>			3			0				3,5			0												1			0			10	0	100%	10
<b>Tỉ lệ mức độ nhận biết (Quy định)</b>			<b>40%</b>					<b>30%</b>					<b>20%</b>					<b>10%</b>																
<b>Tỉ lệ độ khó (Quy định)</b>			<b>40% D</b>					<b>30% TB</b>					<b>20% TDK</b>					<b>10% K</b>																
			<b>Điểm</b>	<b>SL</b>	<b>Điểm</b>	<b>SL</b>	<b>Điểm</b>	<b>SL</b>	<b>Điểm</b>	<b>SL</b>	<b>Điểm</b>	<b>SL</b>	<b>Điểm</b>	<b>SL</b>	<b>Điểm</b>	<b>SL</b>	<b>Điểm</b>	<b>SL</b>	<b>Điểm</b>	<b>SL</b>	<b>Tổng điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>		<b>Tổng điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>		<b>Tổng điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>			
<b>Dễ (D)</b>			3	3	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	4	40,00%		3	3	30,00%		3	3	30,00%			
<b>Trung bình (TB)</b>			0	0	0	0	1,5	2	0	0	1,5	1	0	0	0	0	0	0	0	3	3	30,00%		3,5	4	35,00%								
<b>Tương đối khó (TDK)</b>			0	0	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	2	2	20,00%		2,5	2	25,00%								
<b>Khó (K)</b>			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,00%		

Tỷ lệ độ khó  
**Dễ (D) #####**  
**Trung bình (TB) #####**  
**Tương đối khó (TDK) #####**  
**Khó (K) 0,00%**

Tỷ lệ Mức độ hiểu  
**Nhận biết #####**  
**Thông hiểu #####**  
**Vận dụng #####**  
**Vận dụng cao 0,00%**

**1- Độ khó (hoặc độ dễ):**  
 Công thức để tính độ khó (độ dễ) :  

$$P = \frac{\text{Số học sinh làm đúng (đạt từ 90% với câu hỏi tự luận)}}{\text{Tổng số học sinh được kiểm tra}} \times 100\%$$

Thang phân loại Độ khó (độ dễ) quy ước như sau :  
 - Câu dễ: 70 đến 100 % học sinh trả lời đúng .  
 - Câu tương đối khó (trung bình): 30 đến 70 % học sinh trả lời đúng .  
 - Câu khó: 0 đến 30 % học sinh trả lời đúng .

**2- Độ phân biệt:**  
 Phân chia học sinh thành 3 nhóm với tỉ lệ tương ứng như sau:  
 - Nhóm HS Giỏi&Khá: 27%  
 - Nhóm HS TB: 46%  
 - Nhóm HS Yếu&Kém: 27%

Công thức để tính độ phân biệt (dùng cho các câu hỏi trắc nghiệm):  

$$D = (\text{Tỉ lệ học sinh Giỏi&Khá làm đúng} - \text{Tỉ lệ học sinh Yếu&kém làm đúng})$$

Thang phân loại Độ phân biệt quy ước như sau :  
 -  $D \leq 0,19$ : độ phân biệt quá thấp, không sử để phân biệt, phân loại học sinh được.  
 -  $0,20 < D < 0,39$ : độ phân biệt trung bình, chất lượng câu hỏi tam được  
 -  $D \geq 0,40$ : độ phân biệt cao, chất lượng câu hỏi cao

